

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016



Tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Đăng Thuận	Thành viên	
Ông Hồ Sỹ Bảo	Thành viên	Đến ngày 28/05/2016
Ông Phùng Hoài Linh	Thành viên	Đến ngày 28/05/2016
Ông Nguyễn Trung Phong	Thành viên	Từ ngày 29/05/2016
Ông Nguyễn Đức Bách	Thành viên	Từ ngày 29/05/2016
Bà Phạm Thu Hằng	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Trọng Dũng	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Đức Ngọc	Thành viên
Bà Trần Thị Thương Huyền	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thu Hằng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Minh Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Số: 279 /2017/UHY ACA-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/4/2017, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Nghị quyết 105/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28/05/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty thực hiện phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, số cổ phần tăng thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu tương đương 8% số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Vốn điều lệ trước khi thay đổi là 27.215.330.000 đồng, sau khi thay đổi là 29.391.520.000 đồng (tăng thêm 2.176.190.000 đồng). Ngày giao dịch đầu tiên của số cổ phiếu tương ứng bổ sung là 18/10/2016 theo thông báo 1029/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với nội dung điều chỉnh tăng vốn điều lệ.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Mai Việt Hùng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2334-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		258.048.043.340	237.111.050.239
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.036.354.157	4.844.007.690
Tiền	111		20.036.354.157	4.844.007.690
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.130.069.792	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.130.069.792	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.821.486.388	143.962.772.329
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	118.842.433.401	139.197.230.224
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.186.183.869	20.305.372.197
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.255.219.507	1.049.769.211
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.462.350.389)	(16.589.599.303)
Hàng tồn kho	140	8	95.060.133.003	88.253.697.559
Hàng tồn kho	141		95.060.133.003	88.253.697.559
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	50.572.661
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	966.234
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.704
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	49.604.723
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.758.177.352	74.677.551.280
Các khoản phải thu dài hạn	210		251.972.519	106.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	6	251.972.519	106.000.000
Tài sản cố định	220		46.719.785.767	48.890.776.076
Tài sản cố định hữu hình	221	9	24.629.092.136	25.250.783.949
- Nguyên giá	222		65.946.913.693	61.621.669.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.317.821.557)	(36.370.885.744)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	3.235.569.975	4.488.048.675
- Nguyên giá	225		6.262.393.500	6.262.393.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.026.823.525)	(1.774.344.825)
Tài sản cố định vô hình	227	11	18.855.123.656	19.151.943.452
- Nguyên giá	228		20.225.742.000	20.225.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.370.618.344)	(1.073.798.548)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.109.646.100	454.545.455
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.109.646.100	454.545.455
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	25.090.000.000	25.070.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		22.550.000.000	22.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		40.000.000	20.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		586.772.966	156.229.749
Chi phí trả trước dài hạn	261		586.772.966	156.229.749
TỔNG TÀI SẢN	270		336.806.220.692	311.788.601.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		274.409.756.705	249.773.140.326
Nợ ngắn hạn	310		257.260.174.640	230.579.994.226
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	56.182.162.016	89.710.815.591
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.262.702.165	14.627.953.863
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.910.191.857	7.125.128.233
Phải trả người lao động	314		2.961.887.380	3.036.778.160
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	334.564.871	556.123.833
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.546.449.548	2.779.328.360
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	139.816.246.377	109.316.556.081
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.245.970.426	3.427.310.105
Nợ dài hạn	330		17.149.582.065	19.193.146.100
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		12.050.495.755	12.050.495.755
Phải trả dài hạn khác	337	16	4.148.720.060	4.148.720.060
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	950.366.250	2.993.930.285
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.396.463.987	62.015.461.193
Vốn chủ sở hữu	410	18	62.396.463.987	62.015.461.193
Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.391.520.000	27.215.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.391.520.000	27.215.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.036.263.497	8.036.263.497
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.738.799.844	21.914.989.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.229.880.646	4.848.877.852
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.928.404.352	3.717.547.119
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.301.476.294	1.131.330.733
TỔNG NGUỒN VỐN	440		336.806.220.692	311.788.601.519



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	206.143.447.434	308.325.631.708
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		206.143.447.434	308.325.631.708
Giá vốn hàng bán	11	21	188.841.524.830	278.186.580.046
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.301.922.604	30.139.051.662
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	575.839.932	897.201.592
Chi phí tài chính	22	23	10.990.200.888	12.879.518.784
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.655.852.614	12.740.476.467
Chi phí bán hàng	25	24	1.580.267.400	4.467.453.948
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.901.616.449	12.224.970.108
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.405.677.799	1.464.310.414
Thu nhập khác	31		6.731.864	230.134.691
Chi phí khác	32	27	469.438.209	374.536.439
Lợi nhuận khác	40		(462.706.345)	(144.401.748)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.942.971.454	1.319.908.666
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	641.495.160	188.577.933
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.301.476.294	1.131.330.733



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.942.971.454	1.319.908.666
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.355.394.630	6.225.176.254
Các khoản dự phòng	03	(10.127.248.914)	(1.871.978.343)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.859)	(486.356.109)
Lãi hoạt động đầu tư	05	(575.768.073)	(390.978.998)
Chi phí lãi vay	06	10.655.852.614	12.740.476.467
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.251.129.852	17.536.247.937
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	17.214.117.864	27.940.419.240
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.236.845.560)	22.977.922.505
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.527.634.930)	1.000.003.525
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(429.576.983)	248.781.769
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.877.411.576)	(12.580.182.516)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(428.107.643)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(40.500.000)	(71.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.646.721.333)	56.623.874.817
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(80.406.000)	(465.473.750)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000)	(20.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	403.749.180	390.978.998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.696.656.820)	(94.494.752)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	179.936.475.650	189.700.555.090
Tiền trả nợ gốc vay	34	(149.812.349.389)	(244.776.972.870)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.668.000.000)	(1.668.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(920.473.500)	(1.177.107.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.535.652.761	(57.921.525.580)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15.192.274.608	(1.392.145.515)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.844.007.690	6.236.140.738
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	71.859	12.467
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	20.036.354.157	4.844.007.690



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Hương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Nhà máy Cơ khí Yên Viên thuộc Công ty Sản xuất Thiết bị điện thành Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007120 ngày 30/03/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 9 ngày 07/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.

Số nhân viên của Công ty tại 31/12/2016 là: 193 (người), tại 31/12/2015 là 210 (người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
- Xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220KV, xây lắp các công trình viễn thông);
- Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh; và
- Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

1.5 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
1	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	Đường TS10, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh	100%	100%
2	Công ty TNHH Xây lắp và Hạ tầng Kỹ thuật	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	51%	51%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

3.6 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 THUÊ TÀI SẢN (TIẾP)

Các tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của nó.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.8 GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trên Báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty con được thực hiện theo tiến độ góp vốn thực tế tương ứng với việc xác nhận vốn góp từ công ty con nhận khoản đầu tư.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

Đối với các khoản chi phí chờ phân bổ, thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.

Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ là 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh cũng như chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng (chi tiết tại Thuyết minh 3.12).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.12 HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính (được khách hàng chấp nhận nếu quy định điều khoản này trong hợp đồng xây dựng) được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG (TIẾP)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Trong năm, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Tỷ giá sử dụng để quy đổi doanh thu, thu nhập và các khoản phải thu là tỷ giá mua vào tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh; tỷ giá sử dụng để quy đổi chi phí và các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tiền mặt, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập hoặc chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện, Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật (trước đây là Công ty TNHH Xây lắp PEC), Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3.18 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	409.664.900	93.307.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.626.689.257	4.750.699.990
	20.036.354.157	4.844.007.690

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	118.842.433.401	139.197.230.224
- Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	6.643.674.000	14.073.422.717
- Ban QLDA Thủy điện 1	14.818.626.218	14.552.708.618
- Ban Quản lý Dự án 3	8.572.004.180	1.979.999.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	13.473.187.656	13.473.191.148
- Công ty Cổ phần Điện Vietracimex Lào Cai	4.274.300.745	6.802.935.089
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hưng Hải	7.295.846.483	7.795.846.483
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	11.609.891.042	3.802.603.163
- Doanh nghiệp Tư nhân Kim Chất	5.356.399.368	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	46.798.503.709	76.716.524.006
	118.842.433.401	139.197.230.224
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	11.609.891.042	3.802.603.163
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	11.609.891.042	3.802.603.163

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.255.219.507	-	1.049.769.211	-
- Ký cược, ký quỹ	42.013.417	-	-	-
- Tạm ứng	1.036.669.023	-	578.630.909	-
- Phải thu khác	176.537.067	-	471.138.302	-
Dài hạn	251.972.519	-	106.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	251.972.519	-	106.000.000	-
	1.507.192.026	-	1.155.769.211	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
Số 150, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	10.286.884.972	3.824.534.583	21.641.864.998	5.052.265.695
- Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong	44.410.293	44.410.293	9.179.087.968	-
- Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	3.050.000.000	-	3.250.000.000	-
- Công ty Nhiệt điện Uông Bí - Chi nhánh Tổng công ty phát điện 1	-	-	693.097.446	290.769.917
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại TERRA WOOD Việt Nam	322.760.400	50.000.000	352.760.400	30.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biên	3.170.972.163	2.343.350.166	4.731.495.778	4.731.495.778
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Sông Lam	2.322.197.530	1.386.774.124	3.435.423.406	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 702	58.497.064	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9.1	45.343.232	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	181.189.485	-	-	-
- Công ty Nam Điện Phúc Kiến - Văn phòng đại diện tại Việt Nam	300.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Nhiên liệu sạch	87.557.500	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp DIC	408.639.778	-	-	-
- EHW A Industrial Co.,LTD	295.317.527	-	-	-
	10.286.884.972	3.824.534.583	21.641.864.998	5.052.265.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	27.739.867.224	-	16.416.105.609	-
- Công cụ, dụng cụ	109.145.287	-	108.395.074	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.127.616.283	-	32.126.668.408	-
- Thành phẩm	25.168.839.962	-	39.602.528.468	-
- Hàng hóa	4.914.664.247	-	-	-
	95.060.133.003	-	88.253.697.559	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2016	32.879.960.282	22.224.650.993	6.116.353.461	400.704.957	61.621.669.693
- Mua mới trong năm	-	4.325.244.000	-	-	4.325.244.000
31/12/2016	<u>32.879.960.282</u>	<u>26.549.894.993</u>	<u>6.116.353.461</u>	<u>400.704.957</u>	<u>65.946.913.693</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2016	(12.794.388.228)	(17.121.863.325)	(6.053.929.234)	(400.704.957)	(36.370.885.744)
- Khấu hao trong năm	(3.025.625.531)	(1.884.946.634)	(36.363.648)	-	(4.946.935.813)
31/12/2016	<u>(15.820.013.759)</u>	<u>(19.006.809.959)</u>	<u>(6.090.292.882)</u>	<u>(400.704.957)</u>	<u>(41.317.821.557)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2016	20.085.572.054	5.102.787.668	62.424.227	-	25.250.783.949
31/12/2016	<u>17.059.946.523</u>	<u>7.543.085.034</u>	<u>26.060.579</u>	-	<u>24.629.092.136</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.520.331.758 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2016	6.262.393.500	6.262.393.500
- Thuê tài chính trong năm	-	-
31/12/2016	<u>6.262.393.500</u>	<u>6.262.393.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2016	(1.774.344.825)	(1.774.344.825)
- Khấu hao trong năm	(1.252.478.700)	(1.252.478.700)
31/12/2016	<u>(3.026.823.525)</u>	<u>(3.026.823.525)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2016	<u>4.488.048.675</u>	<u>4.488.048.675</u>
31/12/2016	<u>3.235.569.975</u>	<u>3.235.569.975</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2016	20.000.000.000	225.742.000	20.225.742.000
- Mua trong năm	-	-	-
31/12/2016	<u>20.000.000.000</u>	<u>225.742.000</u>	<u>20.225.742.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2016	(848.056.548)	(225.742.000)	(1.073.798.548)
- Khấu hao trong năm	(296.819.796)	-	(296.819.796)
31/12/2016	<u>(1.144.876.344)</u>	<u>(225.742.000)</u>	<u>(1.370.618.344)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2016	<u>19.151.943.452</u>	-	<u>19.151.943.452</u>
31/12/2016	<u>18.855.123.656</u>	-	<u>18.855.123.656</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 225.742.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty con	22.550.000.000	22.550.000.000	22.550.000.000	22.550.000.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty TNHH Xây lắp điện và Hạ tầng Kỹ thuật	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	40.000.000	40.000.000	20.000.000	20.000.000
- Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (**)	40.000.000	40.000.000	20.000.000	20.000.000
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (**)	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Tổng cộng	25.090.000.000	25.090.000.000	25.070.000.000	25.070.000.000

(*) Công ty Liên doanh được thành lập theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty với Công ty Furukawa Electric Power System (FEPS), theo đó tỷ lệ vốn góp cam kết của Công ty trong Công ty Liên doanh sẽ là 36% (tương đương 1,44 triệu USD). Đến ngày 31/12/2016, số vốn thực góp của Công ty vào Công ty Liên doanh là 40.000.000 đồng.

(**) Số lượng cổ phần Công ty đang sở hữu là 250.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần) chiếm 5% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Số 150, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	56.182.162.016	56.182.162.016	89.710.815.591	89.710.815.591
- Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp INTEC	7.013.505.796	7.013.505.796	7.297.085.796	7.297.085.796
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	3.874.995.925	3.874.995.925	3.874.995.925	3.874.995.925
- Công ty Cổ phần Kinh doanh thép hình	3.602.998.515	3.602.998.515	7.364.338.753	7.364.338.753
- Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam	8.423.139.511	8.423.139.511	8.035.835.774	8.035.835.774
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp và Cầu trục Trung Nguyên	2.752.765.000	2.752.765.000	2.952.765.000	2.952.765.000
- Công ty TNHH Thương mại Dương Tiến	2.000.515.000	2.000.515.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 1 Hà Nội	2.030.664.267	2.030.664.267	-	-
- Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật	338.044.277	338.044.277	9.383.368.060	9.383.368.060
- Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp	3.792.718.154	3.792.718.154	4.292.718.154	4.292.718.154
- Các đối tượng khác	22.352.815.571	22.352.815.571	46.509.708.129	46.509.708.129
	56.182.162.016	56.182.162.016	89.710.815.591	89.710.815.591
Phải trả người bán là các bên liên quan	338.044.277	338.044.277	9.383.368.060	9.383.368.060
- Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật	338.044.277	338.044.277	9.383.368.060	9.383.368.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	5.288.783.439	2.269.894.437	6.206.767.255	1.351.910.621
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	641.495.160	49.604.723	591.890.437
- Thuế thu nhập cá nhân	185.685.630	221.234.849	298.099.359	108.821.120
- Thuế tài nguyên	-	638.970	29.400	609.570
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.650.659.164	859.787.777	1.747.139.977	763.306.964
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	96.653.145	3.000.000	93.653.145
	7.125.128.233	4.089.704.338	8.304.640.714	2.910.191.857
	01/01/2016	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu/ bù trừ trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.604.723	-	49.604.723	-
	49.604.723	-	49.604.723	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	334.564.871	556.123.833
Chi phí lãi vay	334.564.871	556.123.833
	334.564.871	556.123.833

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	2.546.449.548	2.779.328.360
- Kinh phí công đoàn	759.017.408	821.882.098
- Bảo hiểm xã hội	221.681.793	803.671.848
- Bảo hiểm y tế	305.697.534	488.832.095
- Bảo hiểm thất nghiệp	597.942.723	402.477.839
- Phải trả khác	662.110.090	262.464.480
Dài hạn	4.148.720.060	4.148.720.060
- Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.148.720.060	4.148.720.060
	6.695.169.608	6.928.048.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	139.816.246.377	139.816.246.377	179.935.547.994	109.316.556.081
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (*)	94.675.141.533	94.675.141.533	127.766.219.650	100.643.188.776
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	-	3.536.870.805
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Hà Nội (**)	41.834.608.344	41.834.608.344	46.134.608.344	-
- Vay cá nhân	3.306.496.500	3.306.496.500	6.034.720.000	5.136.496.500
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	950.366.250	950.366.250	927.656	2.993.930.285
- Vay cá nhân	-	-	927.656	375.564.035
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (***)	950.366.250	950.366.250	-	2.618.366.250
	140.766.612.627	140.766.612.627	179.936.475.650	112.310.486.366

(*) Bao gồm:

- Hợp đồng vay số 01/2015-HĐTDHM/NHCT128-PEC ngày 14/12/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, hạn mức cho vay 120.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng.
- Hợp đồng vay số 01/2014-HĐTDHM/NHCT128-PEC ngày 27/10/2014 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, hạn mức cho vay 120.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; thời hạn vay theo giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 11 tháng đối với hoạt động lắp đặt, sản xuất phục vụ công trình, tối đa không quá 9 tháng đối với hoạt động khác.

Các hợp đồng này được đảm bảo bởi các tài sản theo các hợp đồng tài sản thế chấp tài sản, quyền đòi nợ, hàng hóa tồn kho.

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(**) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/16/HM/VCBHN-CKDL ngày 28/03/2016 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, hạn mức cho vay 60.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được tính cho từng giấy nhận nợ theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội từng theo kỳ và chi tiết theo từng Giấy nhận nợ đó, thời hạn cho vay theo giấy nhận nợ nhưng không quá 11 tháng. Tài sản đảm bảo là các giá trị các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 6.000.000.000 đồng.

(***) Hợp đồng cho thuê tài chính số 60/2013/TSC-CTTC ngày 16/09/2013 với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, lãi suất cho thuê bằng chi phí huy động vốn thực tế của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam +3%/năm. Lãi suất cho thuê được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, số tiền bảo đảm 106.000.000 đồng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2015	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	22.505.319.844	4.957.591.759	62.124.175.100	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm	2.915.330.000	(2.325.000.000)	-	(590.330.000)	-	1.131.330.733	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	(1.240.044.640)	-	-	-	-	-
- Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2015	27.215.330.000	-	8.036.263.497	21.914.989.844	4.848.877.852	62.015.461.193	-	-	-	-	-
01/01/2016	27.215.330.000	-	8.036.263.497	21.914.989.844	4.848.877.852	62.015.461.193	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm	2.176.190.000	-	-	(2.176.190.000)	-	1.301.476.294	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	(920.473.500)	-	-	-	-	-
- Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2016	29.391.520.000	-	8.036.263.497	19.738.799.844	5.229.880.646	62.396.463.987	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Theo Nghị quyết 105/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28/05/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty thực hiện phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, số cổ phần tăng thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu tương đương 8% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Lê Minh Hải	7.319.000.000	24,90%	6.451.180.000	23,70%
Ông Nguyễn Trung Phong	5.875.200.000	19,99%	5.440.000.000	19,99%
Cổ đông khác	16.197.320.000	55,11%	15.324.150.000	56,31%
	29.391.520.000	100,00%	27.215.330.000	100,00%

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.215.330.000	24.300.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	2.176.190.000	2.915.330.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.391.520.000	27.215.330.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	920.473.500	1.240.044.640

Vốn điều lệ trước khi thay đổi là 27.215.330.000 đồng, sau khi thay đổi là 29.391.520.000 đồng (tăng thêm 2.176.190.000 đồng). Ngày giao dịch đầu tiên của số cổ phiếu tương ứng bổ sung là 18/10/2016 theo thông báo 1029/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với nội dung điều chỉnh tăng vốn điều lệ.

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2016 CP	01/01/2016 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.939.152	2.721.533
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.939.152	2.721.533
+ Cổ phiếu phổ thông	2.939.152	2.721.533
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.939.152	2.721.533
+ Cổ phiếu phổ thông	2.939.152	2.721.533
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	275,23	275,23

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.701.063.534	47.567.812.941
Doanh thu bán hàng thành phẩm	136.704.999.347	206.583.588.629
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	27.737.384.553	54.174.230.138
	<u>206.143.447.434</u>	<u>308.325.631.708</u>
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng kỹ thuật	11.989.278	351.365.380
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	7.097.534.435	9.646.947.848

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	36.683.795.294	40.807.735.659
Giá vốn bán hàng thành phẩm	124.967.799.012	183.866.199.909
Giá vốn hàng hóa, vật tư	27.189.930.524	53.512.644.478
	<u>188.841.524.830</u>	<u>278.186.580.046</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	200.768.073	15.978.998
Cổ tức lợi nhuận được chia	375.000.000	375.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh lại số dư cuối năm tài chính	71.859	486.356.109
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	19.866.485
	<u>575.839.932</u>	<u>897.201.592</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	10.655.852.614	12.740.476.467
Lãi chậm trả	253.173.732	112.961.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	81.174.542	26.080.767
	<u>10.990.200.888</u>	<u>12.879.518.784</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	3.185.000	575.000
Chi phí hoa hồng môi giới	1.395.507.000	1.629.211.000
Chi phí vận chuyển	161.575.400	2.805.968.053
Chi phí bằng tiền khác	20.000.000	31.699.895
	1.580.267.400	4.467.453.948

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.409.733.042	8.652.878.039
Chi phí vật liệu	96.079.765	1.405.000
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	134.617.398	83.583.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.703.131	107.627.592
Thuế, phí và lệ phí	95.761.523	1.094.310.720
Chi phí dự phòng	(10.127.248.914)	(1.871.978.343)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.938.159.587	1.457.789.048
Chi phí bằng tiền khác	2.250.810.917	2.699.354.156
	2.901.616.449	12.224.970.108

26. CHI PHÍ SẢN KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	124.189.911.189	116.568.555.040
Chi phí nhân công	21.011.291.239	24.538.507.934
Chi phí môi giới	1.395.507.000	1.629.211.000
Khấu hao tài sản cố định	6.355.394.630	6.225.176.254
Thuế, phí và lệ phí	95.761.523	93.690.950
Chi phí dự phòng	(10.127.248.914)	(1.871.978.343)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.780.968.327	25.020.357.096
Chi phí bằng tiền khác	5.789.726.674	6.947.083.069
	169.491.311.668	179.150.603.000

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	35.309.295	374.432.333
Tiền chi chậm nộp phạt	434.104.733	104.106
Chi phí khác	24.181	-
	469.438.209	374.536.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.942.971.454	1.319.908.666
Các khoản chi phí không được khấu trừ	434.104.733	398.619.865
- Các khoản chi phí (phạt)	434.104.733	398.619.865
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	(375.071.859)	(861.356.109)
- Thu nhập từ cổ tức	(375.000.000)	(375.000.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(71.859)	(486.356.109)
Trừ các khoản chi phí đã tính thuế năm trước	(1.041.733.615)	-
- Chi phí thuê đất	(1.041.733.615)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	960.270.713	857.172.422
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	192.054.143	188.577.933
Chi phí thuế TNDN truy thu năm 2015	220.259.622	-
Chi phí thuế TNDN truy thu năm 2014	229.181.395	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	641.495.160	188.577.933

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính này.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.036.354.157	4.844.007.690
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.130.069.792	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.850.606.015	123.184.769.223
Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	141.517.029.964	130.528.776.913
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	140.766.612.627	112.310.486.366
Phải trả người bán và phải trả khác	60.992.992.166	94.122.000.131
Chi phí phải trả	334.564.871	556.123.833
Cộng	202.094.169.664	206.988.610.330
Trạng thái ròng	(60.577.139.700)	(76.459.833.417)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD), do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có phát sinh một số khoản công nợ tồn đọng. Đối với các khoản công nợ tồn đọng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ trên cơ sở thận trọng theo các quy định hiện hành có liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Vay và nợ	139.816.246.377	950.366.250	140.766.612.627
Phải trả người bán và phải trả khác	56.844.272.106	4.148.720.060	60.992.992.166
Chi phí phải trả	334.564.871	-	334.564.871
Cộng	196.995.083.354	5.099.086.310	202.094.169.664
01/01/2016			
Vay và nợ	109.316.556.081	2.993.930.285	112.310.486.366
Phải trả người bán và phải trả khác	89.973.280.071	4.148.720.060	94.122.000.131
Chi phí phải trả	556.123.833	-	556.123.833
Cộng	199.845.959.985	7.142.650.345	206.988.610.330

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang nỗ lực để tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.036.354.157	-	20.036.354.157
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.130.069.792	-	6.130.069.792
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.598.633.496	251.972.519	112.850.606.015
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	138.765.057.445	2.751.972.519	141.517.029.964
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.844.007.690	-	4.844.007.690
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	123.078.769.223	106.000.000	123.184.769.223
Cộng	127.922.776.913	2.606.000.000	130.528.776.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÊN LIÊN QUAN

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	7.097.534.435	9.646.947.848
Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật	11.989.278	351.365.380
Mua hàng hóa, dịch vụ bên có liên quan		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	16.811.737.699	45.058.362.403
+ <i>Mua hàng hóa dịch vụ</i>	13.017.729.699	45.058.362.403
+ <i>Mua Tài sản cố định, CCDC</i>	3.794.008.000	-
Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật	2.085.339.978	6.109.852.353
+ <i>Mua hàng hóa dịch vụ</i>	1.960.339.978	6.109.852.353
+ <i>Mua Tài sản cố định</i>	125.000.000	-

SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	11.609.891.042	3.802.603.163
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật	-	-
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	12.265.520.814	14.246.551.649
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Xây lắp Điện lực và Hạ tầng Kỹ thuật	338.044.277	9.383.368.060

THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc	842.167.956	506.215.111
Tiền lương, thưởng	842.167.956	506.215.111


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)


32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần cơ khí Điện lực đã được kiểm toán.





Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017



Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng



Tạ Thị Mai Hương
Người lập